



TÔN VINH NÔNG NGHIỆP VIỆT

**Hồ Sơ
Năng Lực**

Agrilong®

A. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DOANH NGHIỆP

- **Tên doanh nghiệp (tiếng Việt):**
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI
HOÀNG LONG VINA
- **Tên doanh nghiệp (tiếng Anh):**
HOANGLONGVINA PRODUCTION AND
TRADING COMPANY LIMITED
- **Tên giao dịch (tên viết tắt):**
AGRILONG
- **Địa chỉ:** Lô B2, B3, B4 KCN Hòa Hiệp, thị xã
Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
- **Điện thoại:** 0257.3548849 **Fax:** 0257.3548847
- **Email:** agrilong@gmail.com

- **Giấy CN ĐKKD số:**
4400369617
Ngày cấp: Lần đầu 28/10/2005, thay đổi lần 9
ngày 2/11/2022
Cơ quan cấp: Sở KH & ĐT Tỉnh Phú Yên
- **Tên người đại diện pháp luật:**
Ông Nguyễn Hồng Phong – Chức vụ: Giám Đốc
- **Loại hình doanh nghiệp:**
Công Ty TNHH
- **Mã số BHXH:** TJ0103J
- **Mã số thuế:** 4400369617

B. THÔNG TIN VỀ THƯƠNG HIỆU

Tên gọi thương hiệu: AGRILONG
Logo, biểu trưng của doanh nghiệp:

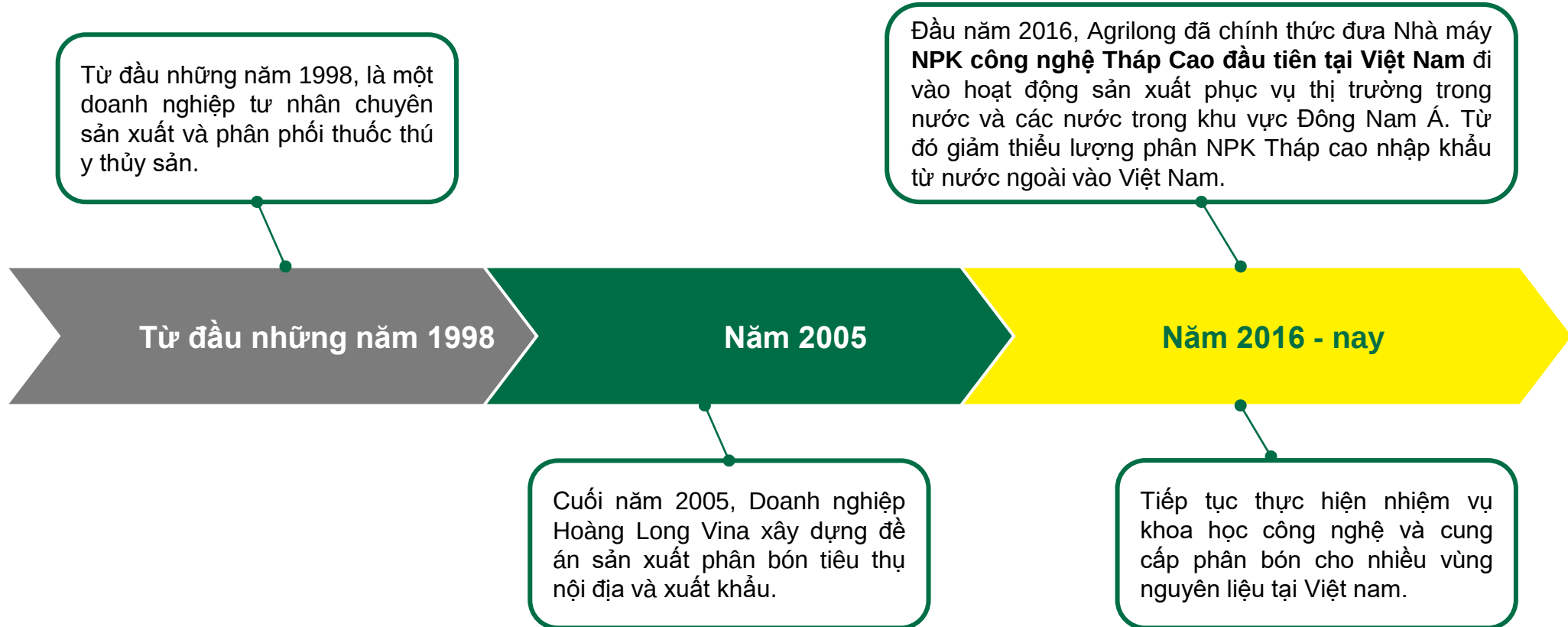


Agrilong[®]

Nhóm ngành hàng đăng ký : Sản xuất, kinh doanh phân
bón xuất khẩu và tiêu thụ nội địa

C. NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA THƯƠNG HIỆU

I. Tóm tắt quá trình phát triển doanh nghiệp



II. Mô tả chi tiết về doanh nghiệp

Công nghệ sử dụng trong hoạt động sản xuất



Công nghệ tạo hạt
tháp cao đầu tiên
tại Việt Nam



Công nghệ tạo hạt
hơi nước tự động



Công nghệ ép nén
cơ học bảo vệ
môi trường



Công nghệ
phối trộn rời tự động



Công nghệ tạo hạt
urea hóa lỏng
(2 nhà máy tự động)

Năm 2005 đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị mới tạo hạt phân bón bằng công nghệ hơi nước.

Năm 2007 tiếp tục đầu tư thêm dây chuyền mới tạo hạt phân bón bằng công nghệ ép nén cơ học và công nghệ **ure hóa lỏng**.

Qua tìm tòi nghiên cứu năm 2016 đã đầu tư và hoàn thiện dây chuyền sản xuất phân bón NPK mới, đó là dây chuyền dây chuyền sản xuất phân bón **NPK công nghệ tháp cao đầu tiên tại VN**.

Thành lập DN Khoa Học và Công Nghệ đầu tiên tại Tỉnh Phú Yên với nhiều đề tài nghiên cứu khoa học mang lại hiệu quả kinh tế cao.

C. NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA THƯƠNG HIỆU

II. Mô tả chi tiết về doanh nghiệp



Chức năng:

Sản xuất phân bón tiêu thụ nội địa và xuất khẩu

Nhiệm vụ:

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của một công ty sản xuất và phân phối phân bón

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo tăng lợi nhuận trong kinh doanh

Tuân theo những quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường, trật tự an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, không sử dụng chất độc hại.

Ứng dụng các phương pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nhiên liệu, hạ giá thành, cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm, gia tăng sản phẩm và chủng loại sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng thị trường tiêu thụ.

C. NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA THƯƠNG HIỆU

III. Các sản phẩm tiêu biểu chuyên dùng cho Cây Mía

Agrilong
NPK 20-10-5

Agrilong
NPK 20-10-10

Agrilong
NPK 16-16-8

Agrilong
NPK 17-7-17

Agrilong
NPK 16-8-16

Các sản phẩm NPK Agrilong chuyên dùng cho cây mía đã được trải qua khảo nghiệm gắt gao và **tiêu thụ** với **số lượng lớn** bởi những **đối tác uy tín** như:

- ✓ TTC Agris Ninh Hòa
- ✓ TTC Agris Tây Ninh
- ✓ TTC Agris Lào
- ✓ TTC Agris Campuchia
- ✓ Nhà máy đường Tuy Hòa,
- ✓ Nhà máy đường KCP Phú Yên.



C. NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA THƯƠNG HIỆU

IV. Thị trường chủ lực



Thị trường chính của Agrilong nói chung vẫn được chia thành 08 phân khúc: Thị trường các tỉnh Miền Tây Nam Bộ, Thị trường các tỉnh Miền Đông Nam Bộ, Thị trường các tỉnh Tây Nguyên; Thị trường các tỉnh Nam Miền Trung, Bắc Miền Trung, Miền Bắc; Thị trường xuất khẩu, và các đơn vị, tập đoàn có vùng nguyên liệu trên toàn quốc.

Để khẳng định được thương hiệu và vị thế của mình trên thị trường, Hoàng Long Vina đã hoàn thành và kí kết hợp đồng phân phối và tiêu thụ sản phẩm phân bón NPK cho hơn **400 khách hàng khu vực Duyên hải miền Trung – Miền Đông, Tây Nam bộ, khu vực Tây Nguyên**. Hơn nữa, liên tục nhiều năm liền chúng tôi luôn được khách hàng tín nhiệm về uy tín, chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

C. NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA THƯƠNG HIỆU

V. Thành tích đạt được trong các hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác xã hội

Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Hoàng Long Vina sản xuất và cung cấp các sản phẩm phân bón phù hợp với các điều kiện kinh tế, thổ nhưỡng, tập quán, các loại cây trồng và các dịch vụ đi kèm cho nông dân để cải tạo và nâng cao năng suất cây trồng, giữ gìn môi trường, tạo hiệu quả kinh tế, góp phần nâng cao đời sống người nông dân



Để đáp ứng nhu cầu của thực tiễn sản xuất nông nghiệp của khu vực, Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng phân bón và đạt được một số thành công. Sản phẩm phân bón của công ty được người sử dụng đánh giá cao. Hoàng Long Vina là doanh nghiệp xây dựng và phát triển dựa trên nền tảng khoa học kỹ thuật, chính vì vậy hơn mười năm qua chúng tôi luôn tìm tòi, nghiên cứu và ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ mới nhất trong việc cải tiến chất lượng sản phẩm, tạo ra những dòng sản phẩm chất lượng cao, đem lại lợi ích cho nhà nông và đối tác.

C. NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA THƯƠNG HIỆU

VI. Thành tích đạt được trong các hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác xã hội



Với phương châm “**Trao chất lượng, nhận niềm tin**”, Agrilong chịu trách nhiệm hoàn toàn về chất lượng và dịch vụ của mình trước khách hàng và người tiêu dùng. Chúng tôi cũng thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị và phiếu kiểm soát đánh giá chất lượng sản phẩm nhằm gắn kết khoảng giữa nhà sản xuất và nông dân tiêu dùng, rút kinh nghiệm trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Điều này đã được chứng minh bằng sự tăng trưởng doanh số của công ty liên tục trong nhiều năm vừa qua.

Toàn bộ các dòng sản phẩm phân bón NPK chuyên dùng cho cây lúa và các loại cây trồng khác như NPK 20-20-15 , NPK 16-16-8, NPK 16-5-10 (sản phẩm chuyên dùng cho cây mì), NPK 20-10-15 (sản phẩm dùng cho cây mía), của Hoàng long Vina đều được sản xuất theo công nghệ tạo hạt hiện đại và đồng bộ đem lại sự tin tưởng tuyệt đối cho người nông dân và các đối tác. **Hàng năm sản lượng tiêu thụ cho bà con nông dân ở tất cả các tỉnh tăng 10-15% so với các năm trước.**



C. NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA THƯƠNG HIỆU

VII. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ

Phân bón bổ sung hoạt chất sinh trưởng cây trồng

Hoàng Long Vina kết hợp với các nhà khoa học nghiên cứu đưa vào phân bón NPK các chế phẩm NAA và GA3 có **khả năng thúc đẩy bộ rễ cây trồng** phát triển mạnh mẽ, tăng sức đề kháng và khả năng hấp thụ dinh dưỡng của cây, từ đó tăng năng suất cây trồng.

Kỹ thuật tạo hạt dạng tháp cao (Đề tài KH cấp Quốc Gia)

Mục tiêu chung của đề tài là làm chủ được công nghệ và xây dựng hệ thống dây chuyền đồng bộ sản xuất phân bón NPK một hạt chất lượng cao bằng kỹ thuật tạo hạt dạng tháp cao ở quy mô công nghiệp để sử dụng có hiệu quả cho một số cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh Phú Yên và các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên. Đây là nhà máy tạo hạt phân bón NPK công nghệ tháp cao **đầu tiên được đầu tư tại Việt Nam.**

Công nghệ NPK nhả chậm theo chu kỳ tăng trưởng cây trồng

Có thể kiểm soát được sự phân giải dinh dưỡng cung cấp cho cây trồng trong điều kiện đủ độ ẩm và cung cấp vừa đủ theo nhu cầu của cây, không làm cây trồng bị ngộ độc dinh dưỡng, tránh lãng phí và ô nhiễm môi trường nước, giúp cho cây phát triển cân đối và khoẻ mạnh là nhu cầu cấp thiết và mang lại hiệu quả kinh tế, môi trường lâu dài.



D. Phụ lục hình ảnh

Quyết định lưu hành sản phẩm

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 756/QĐ-BVTV-PB

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;
Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý phân bón,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 72 (bảy mươi hai) phân bón lưu hành tại Việt Nam (Gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam số 0239/QĐ-BVTV-PB ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, thay đổi thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký và điều chỉnh cho phù hợp với QCVN 01-189:2019/BNNPTNT, Danh sách kèm theo) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hoàng Long Vina

2. Địa chỉ: Lô B2, B3, B4 khu công nghiệp Hòa Hiệp, phường Hòa Hiệp Bắc, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên

Điện thoại: 0358945717

Mã số doanh nghiệp: 4400369617

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2022 đến ngày 02 tháng 11 năm 2027. Quyết định hủy bỏ và thay thế Quyết định số 0239/QĐ-BVTV-PB ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: QL/PB.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
BẢO VỆ
THỰC VẬT

Huỳnh Tấn Đạt

DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM CỦA CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG LONG VINA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 756/QĐ-BVTV-PB ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	Mã số phân bón(*)	Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng	Phương thức sử dụng(**)	Hướng dẫn sử dụng	Thời hạn sử dụng
1	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 20-20-15+TE	00969	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ _{hh}): 20%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 15%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rãnh ^(h,v,b)	Dùng bón rãnh bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 300-450 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 300-550 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn nõn chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, v.v.): 200-450 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 100-200 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 150-250 kg/ha/lần.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
2	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 17-15-12+TE	00970	Đạm tổng số (N _{ts}): 17%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ _{hh}): 15%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 12%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rãnh ^(h,v,b)	Dùng bón rãnh bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 300-450 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 300-550 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn nõn chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, v.v.): 200-450 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 100-200 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 150-250 kg/ha/lần.	24 tháng kể từ ngày sản xuất

1

D. Phụ lục hình ảnh

Quyết định lưu hành sản phẩm (tiếp)

3	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 16-16-8+13S+TE	00971	Đạm tổng số (N _{tot}): 16%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ _{hh}): 16%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 8%; Lưu huỳnh (S): 13%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ ^(h,v,b)	Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 350-500 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 350-600 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn nõn chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, v.v.): 250-500 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 150-250 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 200-300 kg/ha/lần.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
4	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 16-8-16+13S+TE	00972	Đạm tổng số (N _{tot}): 16%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ _{hh}): 8%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 16%; Lưu huỳnh (S): 13%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ ^(h,v,b)	Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 350-500 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 350-600 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn nõn chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, v.v.): 250-500 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 150-250 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 200-300 kg/ha/lần.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
5	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 16-8-18+7S+TE	00973	Đạm tổng số (N _{tot}): 16%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ _{hh}): 8%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 18%; Lưu huỳnh (S): 7%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm;	Bón rễ ^(h,v,b)	Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 350-500 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 350-600 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây	24 tháng kể từ ngày sản xuất

2

				- Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.		xoắn nõn chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, v.v.): 250-500 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 150-250 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 200-300 kg/ha/lần.	
6	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 18-8-18+8S+TE	00974	Đạm tổng số (N _{tot}): 18%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ _{hh}): 8%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 18%; Lưu huỳnh (S): 8%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ ^(h,v,b)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: Cây cà phê, hồ tiêu. 2. Cách sử dụng: - Cà phê mùa khô và đầu mùa mưa: 200-400 kg/ha/lần. - Cây tiêu: Dùng cho 2 loại đất: Đất đỏ Bazan và đất Xám + Đợt 1: Bón vào thời gian sau khi đậu hạt (khoảng tháng 8), lượng bón từ 0,4-0,5 kg/nọc. + Đợt 2: Bón vào thời gian nuôi hạt (khoảng tháng 10), lượng bón từ 0,4-0,5 kg/nọc. -Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
7	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 20-5-5+TE	00975	Đạm tổng số (N _{tot}): 20%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ _{hh}): 5%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 5%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ ^(h,v,b)	Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 300-450 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 300-550 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn nõn chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, v.v.): 200-450 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 100-200 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 150-250 kg/ha/lần.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
8	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 25-5-5+TE	00976	Đạm tổng số (N _{tot}): 25%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ _{hh}): 5%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 5%;	Bón rễ ^(h,v,b)	Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp:	24 tháng kể từ ngày sản xuất

3

10/07/2024

D. Phụ lục hình ảnh

Quyết định lưu hành sản phẩm (tiếp)

				TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	1. Lúa: 300-450 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 300-550 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn nõn chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, v.v.): 200-450 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 100-200 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 150-250 kg/ha/lần.	xuất
9	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 20-5-10+TE	00977	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 5%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 10%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ ^(h,v,b) Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 300-450 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 300-550 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn nõn chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, v.v.): 200-450 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 100-200 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 150-250 kg/ha/lần.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
10	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 20-16-5+TE (BT1)	00978	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 16%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 5%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ ^(h,v,b) Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 300-450 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 300-550 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn nõn chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, v.v.): 200-450 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm.	24 tháng kể từ ngày sản xuất

4

					4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 100-200 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 150-250 kg/ha/lần.	
11	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 20-9-5+TE	00979	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 9%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 5%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ ^(h,v,b) Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 300-450 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 300-550 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn nõn chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, v.v.): 200-450 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 100-200 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 150-250 kg/ha/lần.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
12	Phân bón hỗn NK	NK AGRILONG 20-20+TE	00980	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 20%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ ^(h,v,b) Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 300-450 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 300-550 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn nõn chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, v.v.): 200-450 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 100-200 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 150-250 kg/ha/lần.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
13	Phân	NK	00981	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%;	Bón Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng	24 tháng

5

D. Phụ lục hình ảnh

Quyết định lưu hành sản phẩm (tiếp)

	bón hỗn NK	AGRILONG 20-18+TE		Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 18%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	$r_{\text{đ}}^{(b,v,h)}$	sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 300-450 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 300-550 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn nõn chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su): 200-450 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 100-200 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 150-250 kg/ha/lần.	kể từ ngày sản xuất
14	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 20-16-8+TE	00982	Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 16%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 8%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón $r_{\text{đ}}^{(b,h,v)}$	Dùng bón rải bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 350-450 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 350-550 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn nõn chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su): 200-450 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 150-200 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 200-250 kg/ha/lần.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
15	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 18-10-15+TE	00983	Đạm tổng số (N_{ts}): 18%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 10%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 15%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm;	Bón $r_{\text{đ}}^{(b,h,v)}$	1. Sản phẩm này chuyên dùng bón cho cây mía. 2. Cách sử dụng: - Bón thúc lần 1 (khi mía có 5-7 lá). Sử dụng 250-300 kg/ha chuyên dùng cho cây mía. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất

6

				Độ ẩm: 5%.			
16	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 15-7-20+TE	00984	Đạm tổng số (N_{ts}): 15%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 7%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 20%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón $r_{\text{đ}}^{(b,h,v)}$	1. Sản phẩm này chuyên dùng bón cho cây mía. 2. Cách sử dụng: - Bón thúc lần 2 (khi mía đạt từ 9-12 lá, đang phát triển vương lóng): Sử dụng 300-350 kg/ha phân bón chuyên dùng cho cây mía, kết hợp với phun gốc mía giúp chống đổ ngã, tăng chiều cao và mía sớm đạt chữ đường. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
17	Phân bón hỗn NK	NK AGRILONG 10-30-7S+TE	00985	Đạm tổng số (N_{ts}): 10%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 30%; Lưu huỳnh (S): 7%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón $r_{\text{đ}}^{(b,h,v)}$	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: Cao su, cà phê, cây công nghiệp, cây ăn trái, lúa, các loại hoa màu, 2. Cách sử dụng: Tùy theo chất lượng đất và từng loại cây mà có thể tăng giảm lượng sử dụng. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
18	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 20-5-6+10S+TE	00986	Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 5%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 6%; Lưu huỳnh (S): 10%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón $r_{\text{đ}}^{(b,h,v)}$	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: Cà phê, hồ tiêu. 2. Cách sử dụng: - Bón 150-200 kg/ha/lần bón đối với cây cà phê, hồ tiêu thời kỳ KTCB. - Bón 300-400 kg/ha/lần bón đối với cà phê thời kỳ kinh doanh. - Bón 0,2-0,4 kg/nóc/lần bón đối với hồ tiêu thời kỳ kinh doanh - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát	24 tháng kể từ ngày sản xuất
19	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 22-12-8+12S+TE	00987	Đạm tổng số (N_{ts}): 22%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 12%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 8%; Lưu huỳnh (S): 12%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm;	Bón $r_{\text{đ}}^{(b,h,v)}$	Dùng bón rải bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 300-450 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 300-550 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn nõn chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su): 200-450 kg/ha/lần, 2-3	24 tháng kể từ ngày sản xuất

7

D. Phụ lục hình ảnh

Quyết định lưu hành sản phẩm (tiếp)

				Độ ẩm: 5%.		lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 100-200 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 150-250 kg/ha/lần.	
20	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 15-5-18+7S+TE	00988	Đạm tổng số (N _{ts}): 15%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 5%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 18%; Lưu huỳnh (S): 7%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ ^(b,h,v)	Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 300-450 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 300-550 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn nõn chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su): 200-450 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 100-200 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 150-250 kg/ha/lần.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
21	Phân urê	AGRILONG đạm vàng 46α+	00989	Đạm tổng số (N _{ts}): 46%; Biuret: 1,1%; Độ ẩm: 1%.	Bón rễ ^(b,h,v)	Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 150-200 kg/ha. Chia ra bón 3 lần. 2. Bắp: 150-250 kg/ha. Chia ra bón lót và thúc. 3. Cây rau, đậu: 50-75 kg/ha/lần, bón 2-3 lần. 4. Cây ăn trái: 0,1-0,3 kg/cây/lần, bón 2-3 lần/năm. 5. Mía, khoai mì: 50-100 kg/ha/lần, bón 2-3 lần. 6. Cao su, cà phê, điều, tiêu: 0,1-0,3 kg/cây/lần, bón 3 lần/năm. 7. Cây trồng khác: 50-100 kg/ha/lần.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
22	Phân sulphat amoni (phân	AGRILONG SA Ganaa (21N-24S)	00990	Đạm tổng số (N _{ts}): 21%; Lưu huỳnh (S): 24%; Độ ẩm: 1%.	Bón rễ ^(b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: Cao su, cà phê, cây công nghiệp, cây ăn trái, lúa, các loại hoa màu. 2. Cách sử dụng: - Sử dụng 70% so với Đạm SA định dùng trên cùng diện tích. Sử	24 tháng kể từ ngày sản xuất

8

	SA)					dùng 7 kg SA Ganaa thay cho 10 kg SA thông thường. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát	
23	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 20-10-10+3S+TE	00991	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 10%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 10%; Lưu huỳnh (S): 3%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ ^(b,h,v)	Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Cà phê: 400-450 kg/ha/lần bón dùng cho mùa khô và đầu mùa mưa. 2. Tiêu: 0,15-0,2 kg/ngọc/lần bón trong giai đoạn kiến thiết cơ bản. 0,3-0,5 kg/ngọc/lần bón trong giai đoạn sau khi thu hoạch. 3. Cao su: 150-200 kg/ha/lần bón trong giai đoạn kiến thiết cơ bản. 300-350 kg/ha/lần bón giai đoạn đầu mùa mưa. 4. Rau ăn lá các loại: 100-150 kg/ha/lần bón (Lần 1: 2-3 tuần, lần 2: 4-5 tuần sau khi trồng). 5. Rau ăn quả, củ các loại: 100-150 kg/ha/lần bón (Lần 1: 10-12 ngày, lần 2: 20-22 ngày sau khi trồng). 6. Thanh long: 100-150 kg/ha/lần bón giai đoạn kiến thiết cơ bản. 150-200 kg/ha/lần bón giai đoạn sau khi thu hoạch. 7. Xoài, sầu riềng, bưởi, chôm chôm, măng cụt, măng cầu, cam quýt, nhãn: 150-200 kg/ha/lần bón giai đoạn kiến thiết cơ bản. 250-400 kg/ha/lần bón giai đoạn sau khi thu hoạch. 8. Lúa, mì, mía, bắp (ngô): 100-150 kg/ha/lần bón giai đoạn bón thúc lần 1.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
24	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 10-10-25+3S+TE	00992	Đạm tổng số (N _{ts}): 10%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 10%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 25%; Lưu huỳnh (S): 3%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ ^(b,h,v)	Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Cà phê: 400-450 kg/ha/lần bón dùng cho mùa khô và đầu mùa mưa. 2. Tiêu: 0,15-0,2 kg/ngọc/lần bón trong giai đoạn kiến thiết cơ bản. 0,3-0,5 kg/ngọc/lần bón trong giai đoạn sau khi thu hoạch. 3. Cao su: 150-200 kg/ha/lần bón trong giai đoạn kiến thiết cơ bản. 300-350 kg/ha/lần bón giai đoạn đầu mùa mưa. 4. Rau ăn lá các loại: 100-150 kg/ha/lần bón (Lần 1: 2-3 tuần, lần 2: 4-5 tuần sau khi trồng). 5. Rau ăn quả, củ các loại: 100-150 kg/ha/lần bón (Lần 1: 10-12	24 tháng kể từ ngày sản xuất

9

D. Phụ lục hình ảnh

Quyết định lưu hành sản phẩm (tiếp)

					ngày, lần 2: 20-22 ngày sau khi trồng). 6. Thanh long: 100-150 kg/ha/lần bón giai đoạn kiến thiết cơ bản. 150-200 kg/ha/lần bón giai đoạn sau khi thu hoạch. 7. Xoài, sầu riềng, bưởi, chôm chôm, măng cụt, măng cầu, cam quýt, nhãn, : 150-200 kg/ha/lần bón giai đoạn kiến thiết cơ bản. 250-400 kg/ha/lần bón giai đoạn sau khi thu hoạch. 8. Lúa, mì, mía, bắp (ngô): 100-150 kg/ha/lần bón giai đoạn bón thúc lần 1.		
25	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 10-25- 10+3S+TE	00993	Đạm tổng số (N_{ts}): 10%; Lân hữu hiệu (P₂O_{5h}): 25%; Kali hữu hiệu (K₂O_h): 10%; Lưu huỳnh (S): 3%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ ^(b,h,v)	Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Cà phê: 400-450 kg/ha/lần bón dùng cho mùa khô và đầu mùa mưa. 2. Tiêu: 0,15-0,2 kg/nọc/lần bón trong giai đoạn kiến thiết cơ bản. - 0,3-0,5 kg/nọc/lần bón trong giai đoạn sau khi thu hoạch. 3. Cao su: 150-200 kg/ha/lần bón trong giai đoạn kiến thiết cơ bản. - 300-350 kg/ha/lần bón giai đoạn đầu mùa mưa. 4. Rau ăn lá các loại: 100-150 kg/ha/lần bón (Lần 1: 2-3 tuần, lần 2: 4-5 tuần sau khi trồng). 5. Rau ăn quả, củ các loại: 100-150 kg/ha/lần bón (Lần 1: 10-12 ngày, lần 2: 20-22 ngày sau khi trồng). 6. Thanh long: 100-150 kg/ha/lần bón giai đoạn kiến thiết cơ bản. - 150-200 kg/ha/lần bón giai đoạn sau khi thu hoạch. 7. Xoài, sầu riềng, sươi, chôm chôm, măng cụt, măng cầu, cam quýt, nhãn: 150-200 kg/ha/lần bón giai đoạn kiến thiết cơ bản. - 250-400 kg/ha/lần bón giai đoạn sau khi thu hoạch. 8. Lúa, mì, mía, bắp (ngô): 100-150 kg/ha/lần bón giai đoạn bón thúc lần 1.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
26	Phân diamoni phosphat (phân DAP)	AGRILONG DAP 16-46	00994	Đạm tổng số (N_{ts}): 16%; Lân hữu hiệu (P₂O_{5h}): 46%; Độ ẩm: 2,5%.	Bón rễ ^(b,h,v)	Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 100-150 kg/ha, chia ra bón lót và thúc cây con. 2. Bắp: 100-125 kg/ha, chia ra bón lót và thúc khi cây có 4-6 lá. 3. Cây ăn trái: 0,2-0,4 kg/cây/lần, lót khi trồng mới, bón sau thu	24 tháng kể từ ngày sản xuất

10

					hoạch và chuẩn bị ra hoa. 4. Cây công nghiệp ngắn ngày: 100-150 kg/ha, chia ra bón lót và thúc cây con. 5. Cây công nghiệp dài ngày: 0,1-0,3 kg/cây/lần, lót khi mới trồng mới, bón sau thu hoạch và chuẩn bị ra hoa. 6. Cây rau, đậu: 50-100 kg/ha/lần, bón lót và thúc khi cây con. 7. Cây trồng khác: 50-100 kg/ha/lần, bón lót và thúc cây con.		
27	Phân diamoni phosphat (phân DAP)	AGRILONG DAP 18-46	00995	Đạm tổng số (N _{ts}): 18%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 46%; Độ ẩm: 2,5%.	Bón rễ(b,h,v)	Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 100-150 kg/ha, chia ra bón lót và thúc cây con. 2. Bắp: 100-125 kg/ha, chia ra bón lót và thúc khi cây có 4-6 lá. 3. Cây ăn trái: 0,2-0,4 kg/cây/lần, lót khi trồng mới, bón sau thu hoạch và chuẩn bị ra hoa. 4. Cây công nghiệp ngắn ngày: 100-150 kg/ha, chia ra bón lót và thúc cây con. 5. Cây công nghiệp dài ngày: 0,1-0,3 kg/cây/lần, lót khi mới trồng mới, bón sau thu hoạch và chuẩn bị ra hoa. 6. Cây rau, đậu: 50-100 kg/ha/lần, bón lót và thúc khi cây con. 7. Cây trồng khác: 50-100 kg/ha/lần, bón lót và thúc cây con.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
28	Phân bón hỗn NK	NK AGRILONG 20-10+TE	00996	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 10%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ(b,h,v)	Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 300-450 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 300-550 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn non chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su): 200-450 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 100-200 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 150-250 kg/ha/lần.	24 tháng kể từ ngày sản xuất

11



D. Phụ lục hình ảnh

Quyết định lưu hành sản phẩm (tiếp)

29	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 16-5-10+TE	00997	Đạm tổng số (N _{ts}): 16%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ _{hh}): 5%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 10%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ(b,h,v)	1. Sản phẩm này chuyên dùng cho cây sắn (mì). 2. Cách sử dụng: - Bón thúc 1: Khi cây mọc đều (khoảng 16-20 ngày sau trồng): 200-250 kg/ha. - Bón thúc 2 (Khi củ bắt đầu lớn nhanh): 200-300 kg/ha. - Bón thúc 3 (khi củ đang phát triển) 300-350 kg/ha. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
30	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 25-25-5+TE	00998	Đạm tổng số (N _{ts}): 25%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ _{hh}): 25%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 5%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ(b,h,v)	Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Lúa: 300-450 kg/ha. Chia ra bón thúc cây con, thúc đẻ nhánh và thúc đón đồng. 2. Bắp (ngô): 300-550 kg/ha. Chia ra bón lót, thúc cây con và thúc cây xoắn non chuẩn bị trổ cờ. 3. Cây công nghiệp (cà phê, cao su): 200-450 kg/ha/lần, 2-3 lần/năm. 4. Cây ăn trái KTCB: 0,1-0,3 kg/ha/lần, 3-4 lần/năm. 5. Cây ăn trái kinh doanh: 0,5-1,5 kg/ha/lần, sau thu hoạch, trước ra hoa và nuôi trái. 6. Cây rau màu: 100-200 kg/ha/lần. 7. Cây trồng khác: 150-250 kg/ha/lần.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
31	Phân bón hỗn NPK	Phân NPK AGRILONG 9-25-17 +1SiO ₂ +TE	00999	Đạm tổng số (N _{ts}): 9%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ _{hh}): 25%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 17%; Silic (SiO ₂ _{hh}): 1%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ(b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng. 2. Cây ăn trái: + Cách sử dụng: + Cây ăn trái: Bón 2-4 kg/cây/đợt bón (Tùy theo chất lượng đất và từng loại cây trồng, có thể tăng giảm lượng sử dụng). + Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
32	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 25-5-	01001	Đạm tổng số (N _{ts}): 25%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ _{hh}): 5%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 5%;	Bón rễ(b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: Cà phê, hồ tiêu. 2. Cách sử dụng: - Bón 150-200 kg/ha/lần bón đối với cây cà phê, hồ tiêu thời kỳ	24 tháng kể từ ngày sản

12

		5+12S+TE		Lưu huỳnh (S): 12%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.		KTCB. - Bón 300-400 kg/ha/lần bón đối với cà phê thời kỳ kinh doanh. - Bón 0,2-0,4 kg/ngọc/lần bón đối với hồ tiêu thời kỳ kinh doanh. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	xuất
33	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 22-10-25+TE	01003	Đạm tổng số (N _{ts}): 22%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ _{hh}): 10%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 25%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ(b,h,v)	Dùng Bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Cây công nghiệp dài ngày: 800-1.000 kg/ha/năm. 2. Cây công nghiệp ngắn ngày: 200-350 kg/ha/năm. 3. Cây lương thực: 350-500 kg/ha/năm. 4. Rau các loại: 200-350 kg/ha/năm.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
34	Phân trung lượng	AGRILONG	01004	Canxi (Ca): 30%; Magie (Mg): 5%; Silic (SiO ₂ _{hh}): 5%; Độ ẩm: 4%.	Bón rễ(b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: - Bón lúa nước: 250 -300 kg/ha. - Cây trồng đất phèn chua: 300-350 kg/ha. - Đất không phèn, không chua, không mặn: 150-250 kg/ha.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
35	Phân bón trung lượng	Hoàng Long ViNa	01005	Canxi (Ca): 10%; Magie (Mg): 5%; Silic (SiO ₂ _{hh}): 5%; Độ ẩm: 4%.	Bón rễ(b,h,v)	Dùng bón rễ bổ sung dinh dưỡng cho tất cả các loại cây, sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát, liều lượng bón tùy từng loại cây và loại đất để thay đổi cho phù hợp: 1. Đối với cây công nghiệp dài ngày: 0,5-2 kg/gốc/1 lần bón. 2. Đối với hoa màu, rau quả: 300-500 kg/ha. 3. Đối với cây lúa: 200-300 kg/ha.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
36	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 22-22-15+TE	01006	Đạm tổng số (N _{ts}): 22%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ _{hh}): 22%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 15%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ(b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: - Cây công nghiệp dài ngày: 800-1.000 kg/ha/năm. - Cây công nghiệp ngắn ngày: 200-350 kg/ha/năm. - Rau các loại: 200-350 kg/ha/năm. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
37	Phân bón hỗn NPK	NP AGRILONG	01007	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ _{hh}): 20%	Bón rễ(b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: Cao su, cà phê, cây công nghiệp, cây ăn trái, lúa, các loại hoa màu,	24 tháng kể từ

13

D. Phụ lục hình ảnh

Quyết định lưu hành sản phẩm (tiếp)

	NP	20-20+15SiO ₂ h +TE	Silic (SiO ₂ h): 15%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.		2. Cách sử dụng: - Cây công nghiệp dài ngày: 800-1.000 kg/ha/năm. - Cây công nghiệp ngắn ngày: 200-350 kg/ha/năm. - Cây lương thực: 350-500 kg/ha/năm. - Rau các loại: 200-350 kg/ha/năm. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	ngày sản xuất
38	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 17-7-17+TE	01008	Đạm tổng số (N _{ts}): 17%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ h): 7%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 17%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón r _g (b,h,v) 1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: Cao su, cà phê, cây công nghiệp, cây ăn trái, lúa, các loại hoa màu, 2. Cách sử dụng: - Dùng cho giai đoạn thúc trái: + Cây mới thu hoạch: 0,4-0,7 kg/gốc/lần bón. + Cây lâu năm: 0,6-0,8 kg/gốc/lần bón. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát	24 tháng kể từ ngày sản xuất
39	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 20-10-15+TE	01009	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ h): 10%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 15%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón r _g (b,h,v) 1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: - Cây công nghiệp dài ngày: 800-1.000 kg/ha/năm. - Cây công nghiệp ngắn ngày: 200-350 kg/ha/năm. - Cây lương thực: 350-500 kg/ha/năm. - Rau các loại: 200-350 kg/ha/năm. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
40	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 20-6-8+TE	01010	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ h): 6%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 8%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón r _g (b,h,v) 1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: - Bón 150-200 kg/ha/1 lần đối với cà phê, tiêu kiến thiết cơ bản - Bón 300-400 kg/ha/1 lần đối với cà phê kinh doanh - Bón 0,2-0,4 /nóc/lần đối với tiêu kinh doanh	24 tháng kể từ ngày sản xuất
41	Phân bón hỗn NP	NP AGRILONG 20-20+TE	01011	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P ₂ O ₅ h): 20%; TE; - Sắt (Fe): 50 ppm;	Bón r _g (b,h,v) 1. Sản phẩm này dùng cho tất cả các loại cây trồng: 2. Cách sử dụng: - Cây công nghiệp dài ngày: 800-1.000 kg/ha/năm. - Cây công nghiệp ngắn ngày: 200-350 kg/ha/năm.	24 tháng kể từ ngày sản xuất

14

				- Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.		- Cây lương thực: 350-500 kg/ha/năm. - Rau các loại: 200-350 kg/ha/năm. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	
42	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 20-15-7+TE	01012	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 15%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 7%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón r _g (b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: Dùng tốt nhất cho cây tiêu. 2. Cách sử dụng: - Sau khi thu hoạch trái: Dùng 0,5-0,7 kg/nóc. - Trước khi cây ra bông: Dùng 0,3-0,5 kg/nóc. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát	24 tháng kể từ ngày sản xuất
43	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 18-4-20+TE	01013	Đạm tổng số (N _{ts}): 18%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 4%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 20%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón r _g (b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: Dùng tốt nhất cho cây tiêu. 2. Cách sử dụng: - Sau khi rụng hạt và trái đang lớn: Dùng 0,3-0,5 kg thúc trái/nóc. - Nuôi quả: 0,4-0,5 kg cộng với 0,3-0,5 kg Ganaa thúc trái/nóc. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
44	Phân bón hỗn NP	NP AGRILONG 23-23+TE	01014	Đạm tổng số (N _{ts}): 23%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 23%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón r _g (b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: - Cây công nghiệp dài ngày: 800-1.000 kg/ha/năm. - Cây công nghiệp ngắn ngày: 200-350 kg/ha/năm. - Cây lương thực: 350-500 kg/ha/năm. - Rau các loại: 200-350 kg/ha/năm. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
45	Phân bón hỗn NP	NP AGRILONG 30-30+TE	01015	Đạm tổng số (N _{ts}): 30%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 30%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón r _g (b,h,v)	1.Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: - Cây công nghiệp dài ngày: 800-1.000 kg/ha/năm. - Cây công nghiệp ngắn ngày: 200-350 kg/ha/năm. - Cây lương thực: 350-500 kg/ha/năm. - Rau các loại: 200-350 kg/ha/năm. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát	24 tháng kể từ ngày sản xuất
46	Phân	NPK	01016	Đạm tổng số (N _{ts}): 10%;	Bón	1. Sản phẩm này dùng thích hợp cho tất cả các loại cây trồng:	24 tháng

15

D. Phụ lục hình ảnh

Quyết định lưu hành sản phẩm (tiếp)

				TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	- Cây công nghiệp ngắn ngày: 200-350 kg/ha/năm. - Cây lương thực: 350-500 kg/ha/năm. - Rau các loại: 200-350 kg/ha/năm. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	xuất
51	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 17-17- 17+TE	01021	Đạm tổng số (N _{ts}): 17%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 17%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 17%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: Cao su, cà phê, cây công nghiệp, cây ăn trái, lúa, các loại hoa màu, 2. Cách sử dụng: - Cà phê: 400-450 kg/ha/lần bón dùng cho mùa khô và đầu mùa mưa. - Tiêu: 0,15-0,2 kg/nóc/lần bón trong giai đoạn kiến thiết cơ bản và 0,3-0,5 kg/nóc/lần bón trong giai đoạn sau khi thu hoạch. - Cao su: 150-200 kg/ha/lần bón trong giai đoạn kiến thiết cơ bản và 300-350 kg/ha/lần bón giai đoạn đầu mùa mưa. - Rau ăn lá các loại: 100-150 kg/ha/lần bón (Lần 1: 2-3 tuần; Lần 2: 4-5 tuần sau khi trồng). - Rau ăn quả, củ các loại: 100-150 kg/ha/lần bón (Lần 1: 10-12 ngày; Lần 2: 20-22 ngày sau khi trồng). - Thanh long: 100-150 kg/ha/lần bón giai đoạn kiến thiết cơ bản và 150-200 kg/ha/lần bón giai đoạn sau khi trồng. - Xoài, sầu riêng, bưởi, chôm chôm, măng cụt, măng cầu, cam quýt, nhãn: 150-200 kg/ha/lần bón giai đoạn kiến thiết cơ bản và 250-400 kg/ha/lần bón giai đoạn sau khi thu hoạch. - Lúa, mì, mía, bắp (ngô): 100-150 kg/ha/lần theo từng giai đoạn phù hợp. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát	24 tháng kể từ ngày sản xuất
52	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 30-10- 10+3S+TE	01022	Đạm tổng số (N _{ts}): 30%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 10%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 10%; Lưu huỳnh (S): 3%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: Cao su, cà phê, cây công nghiệp, cây ăn trái, lúa, các loại hoa màu, v.v. 2. Cách sử dụng: - Cà phê: 400-450 kg/ha/lần bón dùng cho mùa khô và đầu mùa mưa. - Tiêu: 0,15-0,2 kg/nóc/lần bón trong giai đoạn kiến thiết cơ bản và 0,3-0,5 kg/nóc/lần bón trong giai đoạn sau khi thu hoạch. - Cao su: 150-200 kg/ha/lần bón trong giai đoạn kiến thiết cơ bản và 300-350 kg/ha/lần bón giai đoạn đầu mùa mưa. - Rau ăn lá các loại: 100-150 kg/ha/lần bón (Lần 1: 2-3 tuần; Lần	24 tháng kể từ ngày sản xuất

17

/// 3/ 1 2 - 1 2

	bón hỗn NPK	AGRILONG 10-10-5+TE		Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 10%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 5%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	rễ ^(b,h,v)	Cao su, cà phê, cây công nghiệp, cây ăn trái, lúa, các loại hoa màu. 2. Tùy theo chất lượng đất và từng loại cây trồng khác nhau có thể tăng giảm lượng sử dụng từ 150-350 kg/ha.	kể từ ngày sản xuất
47	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 20-10- 20+TE	01017	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 10%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 20%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ ^(b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: - Cây công nghiệp dài ngày: 800-1.000 kg/ha/năm. - Cây công nghiệp ngắn ngày: 200-350 kg/ha/năm. - Rau các loại: 200-350 kg/ha/năm. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
48	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 15-15- 15+TE	01018	Đạm tổng số (N _{ts}): 15%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 15%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 15%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ ^(b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: - Cây công nghiệp dài ngày: 800-1.000 kg/ha/năm. - Cây công nghiệp ngắn ngày: 200-350 kg/ha/năm. - Rau các loại: 200-350 kg/ha/năm. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
49	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 30-20-5+TE	01019	Đạm tổng số (N _{ts}): 30%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 20%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 5%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rễ ^(b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho tất cả các loại cây trồng: 2. Cách sử dụng: - Cây công nghiệp dài ngày: 800-1.000 kg/ha/năm. - Cây công nghiệp ngắn ngày: 200-350 kg/ha/năm. - Cây lương thực: 350-500 kg/ha/năm. - Rau các loại: 200-350 kg/ha/năm. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
50	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 9-26-16+TE	01020	Đạm tổng số (N _{ts}): 9%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 26%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 16%;	Bón rễ ^(b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho tất cả các loại cây trồng: 2. Cách sử dụng: - Cây công nghiệp dài ngày: 800-1.000 kg/ha/năm.	24 tháng kể từ ngày sản

16

D. Phụ lục hình ảnh

Quyết định lưu hành sản phẩm (tiếp)

					2: 4-5 tuần sau khi trồng). - Rau ăn quả, củ các loại: 100-150 kg/ha/lần bón (Lần 1: 10-12 ngày, lần 2: 20-22 ngày sau khi trồng). - Thanh long: 100-150 kg/ha/lần bón giai đoạn kiến thiết cơ bản và 150-200 kg/ha/lần bón giai đoạn sau khi trồng. - Xoài, sầu riêng, bưởi, chôm chôm, măng cụt, măng cầu, cam quýt, nhãn: 150-200 kg/ha/lần bón giai đoạn kiến thiết cơ bản và 250-400 kg/ha/lần bón giai đoạn sau khi thu hoạch. - Lúa, mì, mía, bắp: 100-150 kg/ha/lần theo từng giai đoạn phù hợp. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.		
53	Phân bón trung lượng	Canxi AGRILONG	01023	Canxi (Ca): 16 %; Magie (Mg): 6 %; Silic (SiO _{2h}): 6%; Độ ẩm: 4%.	Bón r _g (b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: - Bón lót: 300-350 kg/ha. - Bón thúc: 200-250 kg/ha.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
54	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 14-7-14+TE	01024	Đạm tổng số (N _{ts}): 14%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 7%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 14%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón r _g (b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: Cao su, cà phê, cây công nghiệp, cây ăn trái, lúa, các loại hoa màu. 2. Cách sử dụng: - Bón thúc lần 1 (Khi mía có 5-7 lá): Sử dụng 250-300 kg/ha. - Bón thúc lần 2 (Khi mía đã đạt từ 9-12 lá): Sử dụng 300-350 kg/ha. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
55	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 14-8-6+TE	01025	Đạm tổng số (N _{ts}): 14%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 8%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 6%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón r _g (b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng thích hợp cho tất cả các loại cây trồng: Cao su, cà phê, cây công nghiệp, cây ăn trái, lúa, các loại hoa màu. 2. Tùy theo chất lượng đất và từng loại cây trồng khác nhau có thể tăng giảm lượng sử dụng từ 150-350 kg/ha.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
56	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 10-5-30+TE	01026	Đạm tổng số (N _{ts}): 10%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 5%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 30%; TE:	Bón r _g (b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: - Cây công nghiệp dài ngày: 800-1.000 kg/ha/năm. - Cây công nghiệp ngắn ngày: 200-350 kg/ha/năm. - Cây lương thực: 350-500 kg/ha/năm.	24 tháng kể từ ngày sản xuất

18

				- Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.		- Rau các loại: 200-350 kg/ha/năm. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	
57	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 20-10-5+TE	01027	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 10%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 5%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; - Kẽm (Zn): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rẽ ^(b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: - Cây công nghiệp dài ngày: 800-1.000 kg/ha/năm. - Cây công nghiệp ngắn ngày: 200-350 kg/ha/năm. - Cây lương thực: 350-500 kg/ha/năm. - Rau các loại: 200-350 kg/ha/năm. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
58	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 19-7-22+TE	01028	Đạm tổng số (N _{ts}): 19%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 7%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 22%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rẽ ^(b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho tất cả các loại cây trồng: - Rau ăn lá các loại (Bắp cải, su hào, ớt, cà tím, cà pháo, cà chua, khoai tây, hành, tỏi, cà rốt, dưa chuột, bầu bí, su su, v.v.) và lúa bón định kỳ 10-15 ngày/1 lần, mỗi lần bón 2-3 kg/1 sào Bắc bộ. - Cây có múi (Cam, bưởi, quýt) bón trước khi ra hoa, sau đậu quả và sau thời kỳ lớn quả 0,5-1,5 kg/1 cây, tùy vào độ tuổi của cây. - Nhãn, vải, hồng xiêm, na, hồng: 5 tuần trước khi ra hoa, sau khi đậu quả và thời kỳ trái lớn 0,5-1,5 kg/1 cây, tùy vào độ tuổi của cây. - Dưa hấu, dưa lê trước khi đậu quả: 10 kg/sào Bắc bộ. - Lúa: Bón vào thời kỳ đòng 6-8 kg/1 sào Bắc bộ. - Hoa Hồng, ly, đồng tiền: Trước khi ra hoa, sau khi ra hoa, và hoa đang lớn bón 3-5 kg/1 sào Bắc bộ.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
59	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 18-18- 18+TE	01029	Đạm tổng số (N _{ts}): 18%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 18%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 18%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rẽ ^(b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho tất cả các loại cây trồng: - Cà phê kinh doanh: Bón giữa mùa mưa và cuối mùa mưa: 300-400 kg/ha/lần bón. - Hồ tiêu kinh doanh: bón thúc trái định kỳ 2 tháng 1 lần 0,3-0,4 kg/trụ. - Lúa: Lúa đón đòng 100-150 kg/ha. - Cây công nghiệp (Điều, cao su, ca cao): Bón giữa mùa mưa và Cuối mùa mưa 200-400kg/cây/1 lần bón tùy theo độ tuổi của cây. - Cây rau củ quả (Cà rốt, hành tây, khoai tây, cà chua, cà tím, ớt, tỏi, dưa hấu) bón vào 2-3 tuần sau trồng và 4-6 tuần sau trồng,	24 tháng kể từ ngày sản xuất

19

D. Phụ lục hình ảnh

Quvết dinh lưu hành sản phẩm (tiếp)

					mỗi lần bón 250-300 kg/ha/ lần bón. - Cây ăn trái, cây có mùi (Xoài, măng cụt, măng cầu, chôm chôm, nho, táo): Bón 3 thời kỳ trước ra hoa, sau đậu trái, và nuôi trái lớn: 0,5-1,2 kg/cây/lần bón tùy theo độ tuổi của cây.		
60	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 22-5- 5+5S+TE	01030	Đạm tổng số (N _{ts}): 22%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 5%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 5%; Lưu huỳnh (S): 5%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rẽ ^(b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: Cao su, cà phê, cây công nghiệp, cây ăn trái, lúa, các loại hoa màu. 2. Cách sử dụng: - Bón 150-200 kg/ha/lần đối với cà phê, tiêu kiến thiết cơ bản. - Bón 300-400 kg/ha/lần đối với cà phê kinh doanh. - Bón 0,2-0,4 kg/nọc/lần đối với tiêu kinh doanh. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
61	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 16-16-8+TE	01031	Đạm tổng số (N _{ts}): 16%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 16%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 8%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón rẽ ^(b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: Cao su, cà phê, cây công nghiệp, cây ăn trái, lúa, các loại hoa màu. - Cây ăn trái các loại: xoài, măng cầu, nhãn, vải, sầu riêng, chôm chôm, cam, quýt, bưởi bón xung quanh gốc cây (theo tán lá) sau khi thu hoạch 200-300 kg/ha. Trước khi ra hoa 1 tháng bón 150-200 kg/ha, sau khi ra trái non bón 150-200 kg/ha. - Cây rau màu các loại (Dưa chuột, dưa hấu, bầu bí, mướp, cà rốt, cà chua, hành, tỏi): Rải đều trên mặt ruộng, mỗi vụ bón 3 lần trước và sau khi thu hoạch. Mỗi lần bón 100-300 kg/ha. Có thể hòa 1 kg với 70-80 lít nước để tưới. - Cây công nghiệp: Cà phê, cao su, tiêu, trà, thuốc lá, bông bón xung quanh gốc cây, chia 3 lần bón mỗi vụ, mỗi lần bón 150-200 kg/ha. - Cây lương thực (Lúa, bắp (ngô)): Chia làm 2 lần bón, bón lót và bón đón đồng, liều lượng sử dụng 250-300 kg/ha. - Hoa các loại (Hồng, cúc, lay ơn và các loại hoa khác): Bón định kỳ 1 tháng 1 lần, mỗi lần bón 50-200 g tùy độ lớn của cây.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
62	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 20-5-6+TE	01032	Đạm tổng số (N _{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 5%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 6%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm;	Bón rẽ ^(b,h,v)	1. Sản phẩm dùng cho các loại cây: - Cà phê: + Bón từ 150-200 kg/ha/1 lần bón đối với cây ở thời kỳ cân bằng. + Bón 300-400 kg/ha/1 lần bón đối với thời kỳ thu hoạch. - Hồ Tiêu: + Bón từ 150-200 kg/ha/1 lần bón đối với cây ở thời kỳ cân bằng.	24 tháng kể từ ngày sản xuất

20

				Độ ẩm: 5%.		+ Bón từ 0,2-0,4 kg/nọc/1 lần bón đối với cây ở thời kỳ thu hoạch.	
63	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 22-12-8+TE	01033	Đạm tổng số (N _{ts}): 22%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 12%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 8%; TE: - Kẽm (Zn): 50 ppm; - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón r _g (b,h,v)	1.Sản phẩm dùng cho tất cả các loại cây: - Cây ăn trái các loại: Xoài, măng cầu, nhãn, vải, sầu riêng, chôm chôm, cam, quýt, bưởi bón xung quanh gốc cây (theo tán lá) sau khi thu hoạch 200-300 kg/ha. Trước khi ra hoa 1 tháng bón 150-200 kg/ha, sau khi ra trái non bón 150-200 kg/ha. - Cây rau màu các loại: Dưa chuột, dưa hấu, bầu bí, mướp, cà rốt, cà chua, hành, tỏi: Rải đều trên mặt ruộng, mỗi vụ bón 3 lần trước và sau khi thu hoạch. Mỗi lần bón 100-300 kg/ha. Có thể hòa 1 kg với 70-80 lít nước để tưới. - Cây công nghiệp: Cà phê, cao su, tiêu, trà, thuốc lá, bông bón xung quanh gốc cây, chia 3 lần bón mỗi vụ, mỗi lần bón 150-200 kg/ha. - Cây lương thực (lúa, ngô): Chia làm 2 lần bón, bón lót và bón đón đồng, liều lượng sử dụng 250-300 kg/ha. - Hoa các loại: (Hồng, cúc, lay ơn và các loại hoa khác) bón định kỳ 1 tháng 1 lần, mỗi lần bón 50-200 g tùy độ lớn của cây.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
64	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 18-16-8+TE	01034	Đạm tổng số (N _{ts}): 18%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 16%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _h): 8%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón r _g (b,h,v)	1. Sản phẩm dùng cho tất cả các loại cây: - Cây ăn trái các loại: Xoài, măng cầu, nhãn, vải, sầu riêng, chôm chôm, cam, quýt, bưởi bón xung quanh gốc cây (theo tán lá) sau khi thu hoạch 200-300 kg/ha. Trước khi ra hoa 1 tháng bón 150-200 kg/ha, sau khi ra trái non bón 150-200 kg/ha. - Cây rau màu các loại: Dưa chuột, dưa hấu, bầu bí, mướp, cà rốt, cà chua, hành, tỏi: rải đều trên mặt ruộng, mỗi vụ bón 3 lần trước và sau khi thu hoạch. Mỗi lần bón 100-300 kg/ha. Có thể hòa 1 kg với 70-80 lít nước để tưới. - Cây công nghiệp: Cà phê, cao su, tiêu, trà, thuốc lá, bông bón xung quanh gốc cây, chia 3 lần bón mỗi vụ, mỗi lần bón 150-200 kg/ha. - Cây lương thực (Lúa, ngô): Chia làm 2 lần bón, bón lót và bón đón đồng, liều lượng sử dụng 250-300 kg/ha. - Hoa các loại: (Hồng, cúc, lay ơn và các loại hoa khác) bón định kỳ 1 tháng 1 lần, mỗi lần bón 50-200 g tùy độ lớn của cây.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
65	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG	01035	Đạm tổng số (N _{ts}): 16%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5h}): 16%;	Bón r _g (b,h,v)	1. Sản phẩm này dùng cho tất cả các loại cây trồng: - Rau màu (Cải, su hào, ớt, cà tím, cà pháo, cà chua, khoai tây,	24 tháng kể từ

21

© S.A. /

D. Phụ lục hình ảnh

Quyết định lưu hành sản phẩm (tiếp)

	NPK	16-16-16+TE		Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 16%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.		hành, tỏi, cà rốt, dưa chuột, bầu bí, su su) bón định kỳ 10-15 ngày/1 lần, mỗi lần bón 2-3 kg/1 sào Bắc bộ. - Cây có múi (Cam, bưởi, quýt) bón trước khi ra hoa, sau đậu quả và sau thời kỳ lớn quả 0,5-1,5 kg/1 cây, tùy vào độ tuổi của cây. - Nhãn, vải, hồng xiêm, na, hồng: 5 tuần trước khi ra hoa, sau khi đậu quả và thời kỳ trái lớn 0,5-1,5 kg/1 cây, tùy vào độ tuổi của cây. - Dưa hấu, dưa lê trước khi đậu quả: 10 kg/sào Bắc bộ. - Lúa: Bón vào thời kỳ đòng 6-8 kg/1 sào Bắc bộ. - Hoa hồng, ly, đồng tiền: Trước khi ra hoa, sau khi ra hoa và hoa đang lớn bón 3-5 kg/1 sào Bắc bộ.	ngày sản xuất
66	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 18-8-18+TE	01036	Đạm tổng số (N_{ts}): 18%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 8%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 18%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón $\tilde{r}_{(b,h,v)}$	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: - Cây ăn trái (cây có múi, xoài, măng cụt, măng cầu, sầu riêng, nho, chôm chôm, táo): Bón 3 thời kỳ trước ra hoa, sau đậu trái và nuôi trái lớn 0,5-1,2 kg/cây/lần bón tùy theo độ tuổi của cây. - Cà phê kinh doanh: Bón giữa mùa mưa và Cuối mùa mưa 300-400 kg/ha. - Hồ Tiêu kinh doanh: Bón thúc trái 2 tháng 1 lần 0,3-0,4 kg/trụ/lần. - Lúa: Lúc đón đòng 100-150 kg/ha. - Cây CN: Điều, cao su, cao su: Bón giữa mùa mưa và cuối mùa mưa 200-400 kg/ha. - Cây rau ăn củ quả: Cà rốt, hành tây, khoai tây, cà tím, tỏi, ớt, dưa hấu: Thời kỳ 2-3 tuần sau trồng. Thời kỳ cây non, trưởng thành 200-300 kg/cây/lần bón.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
67	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 20-7-22+TE	01037	Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 7%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 22%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón $\tilde{r}_{(b,h,v)}$	1. Sản phẩm này dùng cho tất cả các loại cây trồng: - Rau màu (Cải, su hào, ớt, cà tím, cà pháo, cà chua, khoai tây, hành, tỏi, cà rốt, dưa chuột, bầu bí, su su) Bón định kỳ 10-15 ngày/1 lần, mỗi lần bón 2-3 kg/1 sào Bắc bộ - Cây có múi (Cam, bưởi, quýt) bón trước khi ra hoa, sau đậu quả và sau thời kỳ lớn quả 0,5-1,5 kg/1 cây, tùy vào độ tuổi của cây. - Nhãn, vải, hồng xiêm, na, hồng: 5 tuần trước khi ra hoa, sau khi đậu quả và thời kỳ trái lớn 0,5-1,5 kg/1 cây, tùy vào độ tuổi của cây. - Dưa hấu, dưa lê trước khi đậu quả: 10 kg/sào Bắc bộ. - Lúa: Bón vào thời kỳ đòng 6-8 kg/1 sào Bắc bộ.	24 tháng kể từ ngày sản xuất

22

						- Hoa hồng, ly, đồng tiền: Trước khi ra hoa, sau khi ra hoa và hoa đang lớn bón 3-5 kg/1 sào Bắc bộ.	
68	Phân bón hỗn NPK	NPK AGRILONG 22-12-9+TE	01038	Đạm tổng số (N_{ts}): 22%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 12%; Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 9%; TE: - Sắt (Fe): 50 ppm; - Đồng (Cu): 50 ppm; Độ ẩm: 5%.	Bón $\tilde{r}_{(b,h,v)}$	1. Sản phẩm này dùng cho tất cả các loại cây trồng: - Cây ăn trái, cây có múi (Xoài, măng cầu, măng cụt, sầu riêng, chôm chôm, nho, táo) sau thu hoạch bón từ 200-300 kg/ha/1 lần bón, trước khi ra hoa 1 tháng bón từ 150-200 kg/ha/1 lần bón. - Cà phê kinh doanh: Bón đầu mùa mưa và giữa mùa mưa bón từ 300-400 kg/ha/1 lần bón. - Hồ tiêu kinh doanh: Bón đầu mùa mưa và giữa mùa mưa bón từ 0,3-0,4 kg/1 trụ/1 lần bón. - Cây công nghiệp (Điều, cao su, ca cao) bón đầu mùa mưa và giữa mùa mưa bón từ 200-400 kg/ha/lần bón tùy theo độ tuổi của cây. - Cây rau ăn quả (Cà rốt, hành tây, khoai tây, cà chua, cà tím, tỏi, ớt): Thời kỳ 2-3 tuần sau trồng, thời kỳ cây non, cây trưởng thành bón từ 250-300 kg/ha/1 lần bón, có thể hòa 1kg với 70-80 lít nước để tưới.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
69	Phân amoni clorua	AGRILONG Đạm vàng 26N	01039	Đạm tổng số (N_{ts}): 26%; Axit tự do quy về H_2SO_4 : 1%; Độ ẩm: 1%.	Bón $\tilde{r}_{(b,v)}$	1. Dùng cho tất cả các loại cây: - Lúa: 150-200 kg/ha chia làm 3 lần bón - Ngô: 150-200 kg/ha chia ra bón lót và bón thúc. - Cây rau, đậu: 50-80 kg/ha bón 2-3 lần - Cây ăn trái: 0,1-0,3 kg/cây/lần bón 2-3 lần /1 năm. - Mía, sắn: 10-100 kg/ha/lần bón 2-3 lần - Cà phê, điều, cao su, tiêu: 0,1-0,3 kg/cây/1 lần bón 2-3 lần/1 năm. - Cây trồng khác: 50-100 kg/ha/lần.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
70	Phân bón hỗn NP	NP AGRILONG 20-26	01040	Đạm tổng số (N_{ts}): 20%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 26%; Độ ẩm: 5%.	Bón $\tilde{r}_{(b,v)}$	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng; - Cây công nghiệp: Bón từ 800-1.000 kg/ha. - Cây trồng khác: Bón từ 100-200 kg/ha.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
71	Phân canxi nitrat	Đạm canxi AGRILONG	01041	Đạm tổng số (N_{ts}): 16%; Canxi (Ca): 18,6%; Độ ẩm: 1%.	Bón $\tilde{r}_{(b,h,v)}$	1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: - Cam, quýt, bưởi, chanh: + Bón trước khi ra hoa-đậu trái-trái phát triển: 80 kg/50 kg/60 kg bón/1 ha. + Sau khi thu hoạch: Bón 80 kg/1 lần bón/1 ha. - Xoài, măng cầu: lượng bón tương ứng cho các thời kỳ sau thu	24 tháng kể từ ngày sản xuất

23

D. Phụ lục hình ảnh

Quyết định lưu hành sản phẩm (tiếp)

					hoạch/đậu trái/trái phát triển là 50-100 kg/100 kg/100kg/1 lần bón/1 ha. - Sầu riêng: Sau khi thu hoạch-đậu trái-trái phát triển bón 50-100kg/50kg/30kg/ 30kg/1 lần bón/1 ha. - Chôm chôm, nhãn, nho: Sau khi thu hoạch/ đậu trái/ trái phát triển/ trái chuyển màu: 40-60 kg/1 lần/1 ha. - Thanh long: Sau tia cành/sau ra hoa/sau từng đợt thu hoạch: 200-250kg/100kg/50kg/1 lần/1 ha. - Cà phê, ca cao: Đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa, mỗi lần bón 80-100 kg/1 lần/1ha - Tiêu: lượng bón tương ứng cho các thời kỳ trước khi ra hoa/sau đậu trái/nuôi quả là 100 kg/100 kg/50 kg/1 lần/1 ha. - Cà chua: lượng bón tương ứng cho các thời kỳ 20 ngày sau trồng/ra hoa lần 1/ra hoa lần 2 là 100 kg/100 kg/50 kg/1 lần/1 ha. - Dưa hấu: Bón tương ứng nửa tháng sau trồng/1 tháng sau trồng là 40 kg/50 kg. - Đậu phụng: Bón lót: 70kg 1 lần/1 ha và sau khi ra hoa bón 70 kg/1 lần/1 ha. - Ngô: Khi cây có 5 lá bón 100 kg 1 lần/1 ha và khi 10 lá bón 100 kg/1 lần/1 ha - Rau ăn lá: 10 ngày/ 30 ngày sau khi trồng mỗi lần bón 50-100 kg/1 ha. - Lúa vụ đông xuân: lượng bón tương ứng cho các thời kỳ 7-10 ngày sau cấy/đón dòng là 40 kg/60 kg/1ha. - Lúa vụ hè thu: lượng bón tương ứng cho các thời kỳ 7-10 ngày sau sạ-cấy/đón dòng/trở bông là 30 kg/40 kg/40 kg/1 ha.	
72	Phân bón hỗn hợp NP	NP AGRILONG	01042	Đạm tổng số ($N_{t\%}$): 5%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5th}): 28%; Độ ẩm: 5%.	Bón rẽ^(b,h,v) 1. Sản phẩm này dùng cho các loại cây trồng: Cao su, cà phê, cây công nghiệp, cây ăn trái, lúa, các loại hoa màu. 2. Cách sử dụng: - Tùy từng loại cây trồng và chất lượng đất có thể bón từ 100-300 kg/ha/đợt bón. - Sử dụng sáng sớm hoặc chiều mát.	24 tháng kể từ ngày sản xuất

Ghi chú: (*) Mã số phân bón là số gồm năm chữ số thể hiện trên bao bì, nhãn mác;
(**) Viết tắt dạng phân bón: ^(b)-dạng bột; ^(h)-dạng hạt; ^(v)-dạng viên.

D. Phụ lục hình ảnh

Các giải thưởng và giấy chứng nhận tiêu biểu



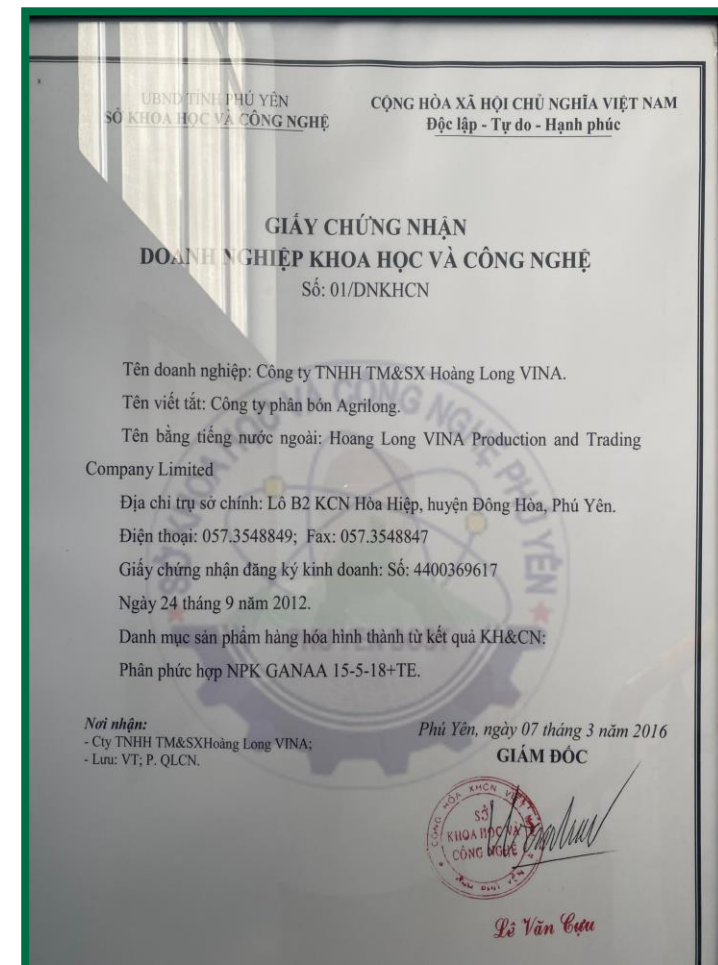
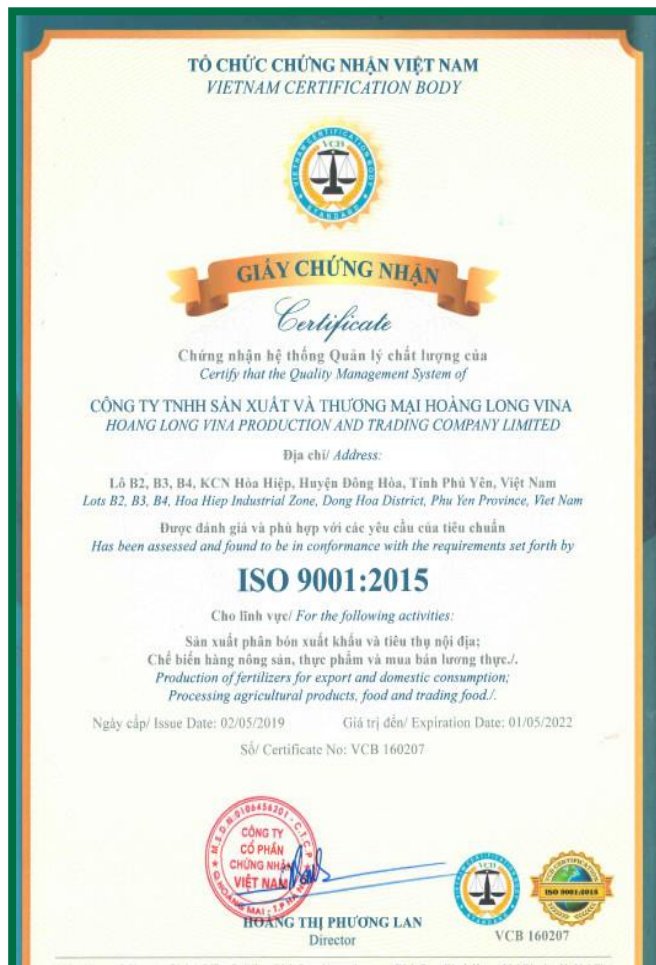
D. Phụ lục hình ảnh

Các giải thưởng và giấy chứng nhận



D. Phụ lục hình ảnh

Các giải thưởng và giấy chứng nhận





Agrilong®

D. Phụ lục hình ảnh

Hợp tác chiến lược với TTC Agris



D. Phụ lục hình ảnh

Hoạt động nổi bật



Lễ khánh thành nhà máy
tháp cao



Lễ khánh thành nhà máy
tháp cao

D. Phụ lục hình ảnh

Các hoạt động xã hội



Giải Marathon Tiền Phong 31/3/2024

D. Phụ lục hình ảnh

Các hoạt động xã hội



Giải Võ Thuật Cổ Truyền
Tỉnh Phú Yên



Hoạt động từ thiện

D. Phụ lục hình ảnh

Các hoạt động xã hội



Tổ chức
đón các
đoàn sinh
viên thực
tập về
tham
quan



Agrilong[®]

Xin cảm ơn

Agrilong[®]